

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-ST
Ngày: 23/3/2023
“V/v tranh chấp QSD đất;
HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng
Ông Lê Khắc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLPT-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự Quyền sử dụng đất; Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐ - PT ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969;

2. Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn K, Phan Thị Ngọc H là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/03/2023.

- Bị đơn: Anh Mai Văn Chánh T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số G, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Lê Khắc T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường D, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Cầu là ông Lê Khắc T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường D, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh theo HĐ ủy quyền ngày 17/5/2022.

2. Chị Cao Thị Tuyết H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số G, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Võ Thị T3, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

(Có mặt: ông T, ông T2; các đương sự còn lại vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Mai Văn Chánh T4 là bị đơn, bà Nguyễn Thị Cầu là người liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H, đại diện ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng ông K, bà H có quản lý, sử dụng diện tích đất làm khu mô mã ông bà thuộc một phần thửa 04, tờ bản đồ số 24 (nay là thửa 11, tờ bản đồ số 24), tọa lạc tại xã Đ, huyện L do anh Mai Văn Chánh T4 đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ông Ký để lại cho ông K sử dụng nhưng sau đó, bà Nguyễn Thị C đã bán phần đất này cho anh Mai Văn Chánh T1, trên đất có 07 ngôi mộ của ông và bà, ông K.

Trước đây vợ chồng ông K, bà H bị anh T1 khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng phần đất có mô mã mà ông K, bà H quản lý. Sự việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là buộc anh T1 giao trả cho ông K, bà H diện tích 135,8m² thuộc một phần thửa 4, tờ bản đồ số 24. Sau khi có bản án anh K đã làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất thì phát hiện Tòa án chỉ giao phần diện tích 135,8m² cho ông K, còn phần diện tích tranh chấp theo như đo đạc của Tòa án là 29,6m² (M1, M2, M3, M4 về M1) trong đó có 7 ngôi mộ của ông và bà, ông K mà ông K đang quản lý từ trước, không giao trả cho ông K mà cấp QSD cho anh T1 thuộc một phần thửa đất 04, tờ bản đồ số 24 (nay là thửa 11, tờ bản đồ số 24) do anh Mai Văn Chánh T4 đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án xét xử thu hồi giấy QSD cấp cho anh T4, yêu cầu anh T4 trả diện tích đất 29,6m² (M1, M2, M3, M4 về M1) trong đó, có 7 ngôi mộ thuộc thửa đất 11, tờ bản đồ số 24 do anh T4 đứng tên QSD đất. Anh K và chị H đồng ý hỗ trợ trả giá trị phần đất tranh chấp cho anh T4 với giá theo Hội đồng định giá là 90.000đồng/m².

- Anh **Mai Văn Chánh T1**, đại diện ủy quyền anh **Lê Khắc T2** trình bày:

Ngày 19/01/2018, anh **Mai Văn Chánh T4** có nhận chuyển nhượng của bà **Nguyễn Thị C** diện tích đất 387,9m² thuộc thửa số 3, và diện tích 328,7m² thuộc thửa số 4, cùng tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại **xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**. Khi bà **C** chuyển nhượng đất cho anh **T4** thì trên đất có khu mộ, bà **C** thỏa thuận chuyển nhượng luôn cây trồng, vật kiến trúc trên đất cho anh **T4**. Tuy nhiên, phần mộ trên đất bà **C** có hứa trong vòng 03 năm sau khi chuyển nhượng bà **C** sẽ di dời đi nơi khác giao đất cho anh **T4**. Đến ngày 08/02/2018, anh **T4** được cấp QSD phần đất trên.

Vào ngày 23/6/2018, anh **K** đã tự ý rào lưới B40, trồng trụ đá, di dời hai ngôi mộ ở thửa đất số 03 sang thửa đất số 04 chôn cất, cho nên trên thửa đất số 04 hiện có 07 ngôi mộ.

Do đó, anh **T4** đã khởi kiện anh **K** đến Tòa án **huyện L** yêu cầu anh **K**, chị **H** trả lại diện tích khu mộ là 6,8m² và trả lại diện tích 75,8m², thuộc một phần của thửa 03 và diện tích 78,7m² thuộc thửa đất số 04. Ngày 01/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T4**, sau đó anh **K** và chị **H** không đồng ý với bản án của Tòa án huyện Lấp Vò và kháng cáo. Tại bản án số 408, ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp nhận yêu cầu anh **K** và chị **H** đồng ý cho anh **K**, chị **H** được quyền sử dụng diện tích đất 135,8m² thuộc một phần thửa 04, tờ bản đồ số 24. Sau khi Tòa án Tỉnh xét xử xong anh **K** đăng ký kê khai diện tích 135,8m² và được cấp quyền sử dụng đất thành thửa số 10, tờ bản đồ số 24; anh **T4** được cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 4 thành 02 thửa là thửa đất số 09 và thửa đất số 11 do anh **T4** đứng tên.

Thửa đất số 11 anh **T4** đứng tên là phần đất anh **K** đang tranh chấp, diện tích đo thực tế 29,6m² hiện trên đất này có 07 ngôi mộ của người thân anh **K**.

Giấy chứng nhận QSD thửa đất số 11 nói trên vào ngày 22/9/2020 anh **T4** đã thế chấp cho chị **Võ Thị T3** để vay số tiền 500.000.000 đồng. Nay số tiền vay nói trên anh **T4** và chị **T3** đã thỏa thuận xong và chị **T3** đã rút yêu cầu khởi kiện tại Tòa.

Nay anh **T4** không đồng ý trả QSD diện tích đất 29,6m² thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 24 theo yêu cầu của ông **K**, bà **H**.

Nếu bà **Nguyễn Thị C** có yêu cầu thì anh **T4** đồng ý trả phần đất này cho bà **C**, không yêu cầu bà **C** trả giá trị đất QSD đất.

Nếu Tòa án buộc anh **T4** giao trả đất, thì yêu cầu ông **K**, bà **H** trả giá trị đất cho anh **T4** là 600.000.000 đồng.

- Người liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị C**, đại diện ủy quyền anh **Lê Khắc T2** trình bày:

Diện tích đất 29,6m², thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 24 hiện anh **K** tranh chấp với anh **T4** là do bà **C** đã chuyển nhượng cho anh **T4**. Nếu anh **T4** đồng ý giao trả lại cho bà **C** phần đất tranh chấp nói trên mà không yêu cầu trả giá trị đất thì bà **C** đồng ý nhận lại, bà không đồng ý giao đất cho ông **K**.

+ Chị **Võ Thị T3** trình bày: Vào ngày 22/9/2020, anh **Mai Văn Chánh T4** có thể chấp cho chị **T3** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX225861 để vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Sau khi vay anh **T4** có đóng lãi cho chị **T3** số tiền khoảng 30.000.000 đồng. Nay chị **T3** rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh **T4** trả nợ vay số tiền 500.000.000 đồng trong vụ án này; chị **T3** sẽ khởi kiện anh **T4** bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu. Hiện chị **T3** đã trả cho anh **T4** giấy quyền sử dụng đất nói trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2022/DS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** đối với anh **Mai Văn Chánh T4**.

Công nhận cho anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** được quyền sử dụng diện tích đất 29,6m² (CLN) theo các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh **Mai Văn Chánh T1**, chị **Cao Thị Tuyết H1** phải giao cho anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** diện tích đất 29,6m² theo các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 thuộc thửa đất 11, tờ bản đồ số 24; đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** có nghĩa vụ trả lại cho anh **Mai Văn Chánh T1**, chị **Cao Thị Tuyết H1** giá trị của diện tích đất 29,6m² (CLN) với số tiền là 2.664.000 đồng.

Đề nghị **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CX 225861, số vào sổ CS08664 cấp ngày 15/9/2020 đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh **Mai Văn Chánh T4** đứng tên để cấp lại cho anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh **Mai Văn Chánh T4** đang quản lý).

(Có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 19/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị **Võ Thị T3** về việc yêu cầu anh **Mai Văn Chánh T4** trả lại vốn vay là 500.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh **Nguyễn Văn K**, chị **Phan Thị Ngọc H** có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009867 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Hoàn trả cho chị **Võ Thị T3** 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0008990, ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Chỉ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông **Nguyễn Văn K**, bà **Phan Thị Ngọc H** phải chịu là 2.192.000 đồng, số tiền này ông **K**, bà **H** đã tạm nộp và chỉ xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 16/12/2022 anh **Mai Văn Chánh T1**, bà **Nguyễn Thị C** kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn **Nguyễn Văn K**, **Phan Thị Ngọc H** đại diện ủy quyền ông **Nguyễn Văn T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh **T1** trả diện tích đất 29,6m² trên có các ngôi mộ; ông **K** và bà **H** đồng ý hỗ trợ trả giá trị đất là 90.000đồng/m².

+ Bị đơn **Mai Văn Chánh T1**, người liên quan **Nguyễn Thị C**, đại diện ủy quyền ông **Lê Khắc T2** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả đất theo yêu cầu ông **Nguyễn Văn K**, không đồng ý tính giá trị đất tranh chấp theo giá Hội đồng định giá mà yêu cầu ông **K**, bà **H** trả giá trị 600.000.000đồng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông **Mai Văn Chánh T1**, bà **Nguyễn Thị C**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh **Mai Văn Chánh T1**, bà **Nguyễn Thị C** kháng cáo không đồng ý giao QSD đất cho ông **K**, bà **H**; Anh **T1** yêu cầu ông **K**, bà **H** trả giá trị QSD đất bằng số tiền 600.000.000đồng. Xét thấy:

[1] Đất tranh chấp diện tích 29,6m² thuộc một phần thửa 11, tờ bản đồ số 24 có nguồn gốc của cụ **Nguyễn Văn H2** (là cha của ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị C**) để lại cho bà **C**. Cho nên năm 2019 bà **C** được cấp QSD đất. Quá trình sử dụng do hoàn cảnh ở xa (An Giang) nên bà **C** chuyển nhượng phần đất cho anh **Mai Văn Chánh T4**. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà **C** và anh **T4** là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tuy nhiên, trên đất này có các ngôi mộ của cha mẹ họ hàng ông **Nguyễn Văn K**, cũng là cha mẹ bà **Nguyễn Thị C1**; các ngôi mộ này đã có từ trước là 02 ngôi, 02 ngôi là do anh **T4** tự di chuyển đến chôn cất trên đất. Khi cha mẹ để đất cho bà **C1** có di nguyện không được cầm cố, chuyển nhượng cho người khác nhưng nay bà **C1** chuyển nhượng cho ông **T4** là trái với di nguyện của ông **H2** để lại, là không phù hợp.

Khi bà **C1** chuyển nhượng đất cho anh **T4** thì trên đất có các ngôi mộ của người thân ông **K** mà không có ý kiến của ông **K**. Xét thấy, việc di dời mộ là rất khó khăn, phức tạp sẽ ảnh hưởng đến họ tộc và không phù hợp tập quán, đạo đức tâm

linh. Do vậy, cần giữ nguyên các ngôi mộ trên đất, giao đất cho anh **K** được quản lý, sử dụng nhưng buộc anh **K** có trách nhiệm trả giá trị đất cho anh **T4** là có căn cứ.

[3] Đối với bà **C1**, mặc dù trước đây cha là cụ **H2** có để đất cho bà **C1** trên đất có các ngôi mộ của dòng họ, nhưng bà **C1** không trực tiếp chăm sóc, bảo quản mà mang đất chuyển nhượng cho ông **K**; cho nên Tòa án cấp sơ thẩm giao đất để ông **K** quản lý là phù hợp.

[4] Xét thấy, năm 2018 anh **T4** nhận chuyển đất của bà **C1** ($387,9\text{m}^2 + 328,7\text{m}^2$) = $716,6\text{m}^2$ giá 72.000.000đồng, vậy tương đương $100.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Theo kết quả tại biên bản định giá ngày 17/6/2021 thì phần đất tranh chấp có giá $90.000\text{đ}/\text{m}^2$, là thấp hơn giá trị lúc ông **T4** nhận chuyển nhượng đất của bà **C1**. Nhưng nay anh **T4** yêu cầu ông **K** trả giá trị đất $600.000.000\text{đ}/29,8\text{m}^2$ nhưng không có căn cứ chứng minh. Vì là đất mồ mả không nhằm mục đích sinh lợi, nhưng để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, cần tính giá đất theo giá ông **T4** nhận chuyển nhượng của bà **C1** mới là phù hợp. Cho nên giao đất ông **K** sử dụng, ông **K** có trách nhiệm trả giá trị cho ông **T4** $29,8\text{m}^2 \times 100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.980.000\text{đ}$. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông **K** đồng ý trả giá trị QSD đất cho anh **T4** bằng 6.000.000đồng. Xét thấy, sự tự nguyện của ông **T4**, phù hợp với pháp luật và có lợi cho ông **T4** nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ đó, không chấp nhận kháng cáo của bà **C1**; công nhận sự tự nguyện của ông **K**; chấp nhận 01 phần kháng cáo của anh **T4**; sửa 01 phần bản án sơ thẩm của Tòa án huyện **L** về tính giá trị QSD đất.

[6] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông **Mai Văn Chánh T1**, bà **Nguyễn Thị C** không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** tham gia tố tụng nhưng phần quyết định của bản án tuyên đề nghị **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** thu hồi QSD đất cấp ngày 15/9/2020 đối với thửa đất 11, tờ bản đồ số 24 để cấp cho ông **Nguyễn Văn K**, bà **Phan Thị Ngọc H** là không phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên về nội dung này.

[8] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà **C**, chấp nhận một phần kháng cáo của ông **T1**; sửa 01 phần án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện ông **K** trả giá trị QSD đất cho anh **T1** bằng 6.000.000đồng. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo người liên quan bà Nguyễn Thị C.
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Mai Văn Chánh T4;
- Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2022/DS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H đối với anh Mai Văn Chánh T4.

- Công nhận cho ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H được quyền sử dụng diện tích đất 29,6m² (CLN) thể hiện các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - M1 thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 24; đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc anh Mai Văn Chánh T1, chị Cao Thị Tuyết H1 giao cho ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H diện tích đất 29,6m² (CLN) thể hiện các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - M1 thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 24; đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đối với phần đất được giao theo quy định pháp luật.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Ngọc H trả cho anh Mai Văn Chánh T1, chị Cao Thị Tuyết H1 giá trị QSD đất diện tích 29,6m² (CLN) với số tiền là 6.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Võ Thị T3 về việc yêu cầu anh Mai Văn Chánh T4 trả lại vốn vay là 500.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn K, chị Phan Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009867, ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Hoàn trả cho chị Võ Thị T3 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008990, ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Nguyễn Văn K, chị Phan Thị Ngọc H tự nguyện chịu là 2.192.000 đồng, số tiền này ông K, bà H đã tạm nộp và chi xong.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh **T4**, bà **C** mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016298 ngày 16/12/2022; biên lai số 0016297 ngày 16/12/2022 của **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò**.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí D - L

Nguyễn Thị V

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- Chi cục THADS h. Lấp Vò;
- Dương sự;
- Lưu hs vụ án (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

